

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Linh
Lớp dạy 12/8
Ngày soạn: 10/11/2025
Thời gian thực hiện: 15 tiết (từ tiết 11-> 25)

CHUYÊN ĐỀ 12.2. PHÁT TRIỂN VÙNG **(Thời gian thực hiện: 15 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được quan niệm về vùng, ý nghĩa của vùng và cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước.
- Phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,...
- Trình bày (tóm tắt) được các loại vùng kinh tế ở Việt Nam.
- Trình bày được đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ tự học: sẵn sàng tiếp nhận và nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.
 - + Giao tiếp và hợp tác: chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trao đổi với bạn và thảo luận cả lớp.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống về chủ đề các vùng kinh tế ở nước ta.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: phân biệt, nhận biết ranh giới, phạm vi của các vùng kinh tế, trình bày và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế.
 - + Tìm hiểu địa lí: tìm kiếm các thông tin, văn bản phù hợp với nội dung nghiên cứu; đọc được bản đồ các loại vùng kinh tế; tìm kiếm, chọn lọc thông tin địa lí cần thiết từ các trang web liên quan đến các loại vùng kinh tế ở Việt Nam.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu về các loại vùng kinh tế; liên hệ thực tế địa phương liên quan đến các đặc điểm địa lí về các loại vùng kinh tế.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Giáo dục thế giới quan khoa học, tôn trọng các giá trị của tự nhiên và nhân văn trên các lãnh thổ khác nhau.
- Yêu nước: Yêu quê hương, đất nước; có ý thức trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Tranh ảnh về vùng kinh tế.
- Bản đồ các vùng kinh tế Việt Nam.
- Bản đồ các vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam.
- Phiếu học tập.
- Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Khơi gợi tính tích cực học tập của HS.

- Kết nối kiến thức, kinh nghiệm đã có của HS với nội dung chuyên đề.

b) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật động não.

- Bước 1: GV đặt câu hỏi gợi mở, khai thác những hiểu biết cá nhân của HS về vùng kinh tế ở Việt Nam như:

+ Nước ta có mấy vùng kinh tế? Hãy kể tên các vùng kinh tế ở nước ta.

+ Các vùng kinh tế được phân chia dựa trên tiêu chí nào?

- Bước 2: HS dựa vào vốn hiểu biết của bản thân và kiến thức đã học, suy nghĩ câu trả lời.

- Bước 3: GV gọi đại diện HS trả lời các câu hỏi.

- Bước 4: GV kết luận. Từ câu trả lời của HS, GV dẫn vào bài.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

- Nước ta được chia thành 6 vùng kinh tế:

+ Trung du và miền núi Phía Bắc

+ Đồng bằng sông Hồng

+ Bắc Trung Bộ

+ Nam Trung Bộ

+ Đông Nam Bộ

+ Đồng bằng sông Cửu Long

- Tiêu chí phân chia các vùng kinh tế:

+ Vị trí địa lý

+ Điều kiện tự nhiên

+ Điều kiện kinh tế - xã hội

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1: Tìm hiểu về quan niệm, ý nghĩa, cơ sở hình thành vùng

a) Mục tiêu: Trình bày được quan niệm về vùng, ý nghĩa của vùng và cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước.

b) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật chia sẻ cặp đôi.

- Bước 1: GV cho HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, trả lời các câu hỏi:

+ Vùng là gì? Nêu đặc điểm cơ bản của vùng.

+ Có mấy loại vùng kinh tế? Là các loại vùng kinh tế nào?

+ Nêu ý nghĩa và cơ sở hình thành vùng.

- Bước 2: HS đọc thông tin trong SGK ở mục I, trao đổi với bạn bên cạnh chuẩn bị câu trả lời.

- Bước 3: GV gọi một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét và bổ sung.

- Bước 4: GV đánh giá, tổng kết nội dung.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

I. Quan niệm, ý nghĩa, cơ sở hình thành vùng

1. Quan niệm

a) Vùng

- Quan niệm: Vùng là một lãnh thổ bao gồm các yếu tố cấu thành có mối quan hệ với nhau, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của lãnh thổ đó và có mối quan hệ với các lãnh thổ khác.

- Đặc điểm:

+ Vùng là một lãnh thổ có ranh giới xác định, mang tính pháp lý hoặc ước lệ.

+ Vùng là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, có những đặc điểm riêng về mặt tự nhiên, kinh tế – xã hội.

+ Sự tồn tại của vùng là khách quan và mang tính lịch sử.

b) Vùng kinh tế

Có ba loại vùng kinh tế cơ bản:

- Vùng kinh tế – xã hội (vùng kinh tế tổng hợp)

- Vùng kinh tế trọng điểm

- Vùng kinh tế ngành

2. Ý nghĩa của vùng

- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của cả nước.

- Khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn lực của lãnh thổ.

- Xác lập cơ cấu tổng thể các ngành kinh tế của đất nước trên cơ sở phân bố tốt hơn nguồn lực sản

xuất của vùng.

3. Cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước

- Các nhân tố nội vùng: vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội.
- Các nhân tố bên ngoài: mối quan hệ liên vùng, khu vực và quốc tế; nguồn vốn và đầu tư công nghệ từ bên ngoài; bối cảnh quốc tế và khu vực,...

2.2: Tìm hiểu về phân biệt các loại vùng kinh tế

a) Mục tiêu: Phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,...

b) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật công đoạn và làm việc nhóm.

- Bước 1: GV cho HS làm việc nhóm, yêu cầu HS đọc bảng hệ thống các tiêu chí của các loại vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành trong SGK, viết thành bài trình bày các loại vùng kinh tế. GV cung cấp thêm tư liệu cho HS (phụ lục 1).

- Bước 2: HS làm việc nhóm dựa trên tư liệu trong SGK, thực hiện nhiệm vụ GV giao. HS viết bài ra giấy nháp sau đó thống nhất nội dung của nhóm.

- Bước 3: GV sử dụng giấy A0, lần lượt đưa cho từng nhóm viết nội dung tìm hiểu được. Nhóm 1 rồi đến nhóm 2, nhóm 3,... và quay lại nhóm 1. Mỗi nhóm chỉ viết thông tin bổ sung cho nhóm trước, không được viết lại thông tin đã có. Nhóm 1 sẽ trình bày thông tin đầy đủ nhất cho cả lớp.

- Bước 4: GV đánh giá, tổng kết.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

II. Phân biệt các loại vùng kinh tế

1. Vùng kinh tế - xã hội

- GRDP và mức độ đóng góp trong cả nước: phụ thuộc các nguồn lực phát triển cũng như khả năng khai thác các nguồn lực của các vùng khác nhau. Tiêu chí này phản ánh vai trò của vùng đối với cả nước.

- GRDP bình quân đầu người: phụ thuộc vào GRDP và số dân của vùng. Tiêu chí này phản ánh mức sống.

- Cơ cấu GRDP: phụ thuộc vào các thế mạnh nổi trội của vùng. Tiêu chí này phản ánh trình độ phát triển kinh tế.

- Trị giá xuất khẩu so với cả nước phản ánh hiệu quả kinh tế.

2. Vùng kinh tế trọng điểm

- GRDP và mức độ đóng góp trong cả nước: thường cao hơn so với các lãnh thổ lân cận. Thể hiện vai trò đầu tàu, thúc đẩy sự phát triển của cả nước.

- GRDP bình quân đầu người: phụ thuộc vào GRDP và số dân của vùng. Tiêu chí này phản ánh mức sống.

- Cơ cấu GRDP: phụ thuộc vào các thế mạnh nổi trội của vùng.

- Trị giá xuất khẩu so với cả nước.

Hai tiêu chí này phản ánh trình độ và hiệu quả kinh tế.

- Thu hút vốn đầu tư. Tiêu chí này phản ánh lợi thế hấp dẫn đầu tư.

3. Vùng kinh tế ngành

a) Vùng nông nghiệp

- Tiêu chí:

+ Điều kiện sinh thái nông nghiệp: mỗi vùng có điều kiện sinh thái riêng cho phát triển các nhóm cây trồng, vật nuôi nhất định.

+ Tổ chức hoạt động sản xuất nông nghiệp.

+ Sản phẩm nông nghiệp chủ đạo, đặc thù, đặc biệt là sản phẩm OCOP.

- Ý nghĩa:

+ Khai thác lợi thế vùng miền.

+ Hiệu quả sản xuất.

b) Vùng công nghiệp

- Tiêu chí:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp: phụ thuộc điều kiện phát triển công nghiệp.

+ Các ngành công nghiệp chủ đạo.

- Ý nghĩa: Hiệu quả khai thác lãnh thổ và tổ chức sản xuất. c) Vùng du lịch - Tiêu chí: + Doanh thu, số khách du lịch: phụ thuộc tài nguyên du lịch. + Các sản phẩm du lịch đặc trưng, các loại hình du lịch chủ yếu. + Địa bàn tổ chức hoạt động du lịch, trung tâm du lịch,... - Ý nghĩa: + Kết quả hoạt động du lịch. + Hiệu quả khai thác thế mạnh du lịch của vùng. + Kết quả tổ chức lãnh thổ du lịch.
--

2.3: Tìm hiểu các loại vùng kinh tế ở Việt Nam

a) Mục tiêu:

- Trình bày (tóm tắt) được các loại vùng kinh tế ở Việt Nam.
- Trình bày được đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm. GV chia lớp thành 5 nhóm, yêu cầu các nhóm hoàn thành nhiệm vụ:

- + Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu vùng kinh tế – xã hội (PHT số 1).
- + Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu vùng kinh tế trọng điểm (PHT số 2).
- + Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu vùng kinh tế ngành: vùng nông nghiệp (PHT số 3).
- + Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu vùng kinh tế ngành: vùng công nghiệp (PHT số 4).
- + Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu vùng kinh tế ngành: vùng du lịch (PHT số 5).

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam 1. Vùng kinh tế - xã hội * Quá trình hình thành * Đặc điểm phát triển

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam 2. Vùng kinh tế trọng điểm * Quá trình hình thành * Đặc điểm phát triển

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam 3. Vùng kinh tế ngành a) Vùng nông nghiệp * Vùng sinh thái nông nghiệp * Vùng nông nghiệp chuyên canh * Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4
III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam 3. Vùng kinh tế ngành b) Vùng công nghiệp * Quá trình hình thành * Đặc điểm phát triển

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5
III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam 3. Vùng kinh tế ngành c) Vùng du lịch

* Quá trình hình thành

* Đặc điểm phát triển

- Bước 2: HS làm việc cá nhân tìm hiểu, thu thập tư liệu để viết bài, sau đó về nhóm hoàn thiện phiếu học tập cùng các thành viên khác trong nhóm.

- Bước 3: GV tổ chức cho HS các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác đặt thêm câu hỏi thảo luận để làm rõ hơn các vấn đề.

- Bước 4: GV tổng kết và đưa ra nhận xét về sản phẩm học tập của các nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam

1. Vùng kinh tế - xã hội

* **Quá trình hình thành**

- Giai đoạn 1976 - 1985, cả nước được phân chia thành 4 vùng kinh tế lớn, 6 tiểu vùng. Bốn vùng kinh tế lớn là: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ.

- Giai đoạn 1986 – 2000: nước ta chia thành 8 vùng, không có tiểu vùng. Tám vùng là: Đông Bắc, Tây Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Giai đoạn sau năm 2000: nước ta chia thành 6 vùng kinh tế gắn với 3 vùng kinh tế trọng điểm trên cơ sở sáp nhập vùng Đông Bắc và Tây Bắc thành vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng Bắc Trung Bộ với Duyên hải Nam Trung Bộ thành vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

- Hiện nay: cả nước chia thành 6 vùng kinh tế - xã hội là: Trung du và miền núi Phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

* **Đặc điểm phát triển**

- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:

+ Hiện trạng: Kinh tế phát triển còn khiêm tốn.

• Nông nghiệp: chủ yếu là các cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn và phát triển lâm nghiệp.

• Công nghiệp: công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

• Dịch vụ phát triển chậm.

+ Hướng phát triển:

• Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; mở rộng diện tích cây ăn quả; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản;

• Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản. Phát triển bền vững công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng;

• Phát triển kinh tế cửa khẩu; du lịch bền vững mang đặc trưng riêng của vùng.

- Vùng Đồng bằng sông Hồng:

+ Hiện trạng: Có nền kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế tiến bộ, chỉ sau Đông Nam Bộ.

• Công nghiệp đa dạng: cơ khí chế tạo; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất hóa chất; nhiệt điện; sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống và sản xuất hàng tiêu dùng.

• Dịch vụ phát triển với đầy đủ các hoạt động thương mại, du lịch, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải,...

• Nông nghiệp phát triển lâu đời, là vùng trọng điểm lương thực, chăn nuôi.

+ Hướng phát triển:

• Phát triển công nghiệp và dịch vụ hiện đại; phát triển các đô thị vệ tinh để giảm sức ép cho các đô thị lớn. Phát triển các hành lang kinh tế, các tuyến đường giao thông kết nối vùng Thủ đô với các địa phương trong và ngoài vùng.

• Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ.

- Vùng Bắc Trung Bộ:

+ Hiện trạng: Kinh tế còn khiêm tốn.

• Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với đặc điểm tự nhiên của vùng.

• Công nghiệp phát triển một số lĩnh vực: sản xuất vật liệu xây dựng; khai khoáng; sản xuất hóa chất; sản xuất, chế biến thực phẩm.

• Phát triển dịch vụ cảng biển, trung chuyển quá cảnh, du lịch biển,...

+ Hướng phát triển:

• Chú trọng phát triển kinh tế biển kết hợp với đảm bảo quốc phòng an ninh trên biển.

• Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu; sản xuất kim loại; cơ khí chế tạo; sản xuất, chế biến thực phẩm; năng lượng tái tạo. • Tăng cường kết nối hạ tầng và hệ thống cảng biển, các trung tâm dịch vụ logistics. • Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. - Nam Trung Bộ: + Hiện trạng: • Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn, chăn nuôi gia súc lớn, kinh tế biển mạnh. • Công nghiệp chủ yếu là Sản xuất, lắp ráp điện tử., sản xuất, chế biến thực phẩm; thủy điện và khai thác khoáng sản (bô-xít). • Du lịch kết hợp các du lịch tự nhiên và văn hóa. + Hướng phát triển: • Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao với quy mô phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. • Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; năng lượng tái tạo; khai thác và chế biến bô-xít. • Phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa gắn với bảo tồn. Phát triển hành lang kinh tế cùng với mạng lưới đường bộ cao tốc, kết nối với Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Nam Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia. - Vùng Đông Nam Bộ: + Hiện trạng: Có trình độ phát triển kinh tế cao nhất. • Công nghiệp nổi bật là công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; cơ khí đóng tàu. Công nghiệp nhẹ phát triển hướng ra xuất khẩu. • Các lĩnh vực dịch vụ phát triển mạnh, đứng đầu cả nước. • Là vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng hóa lớn của cả nước có trình độ tập trung hóa và thâm canh cao. + Hướng phát triển: giữ vững vai trò là vùng kinh tế động lực hàng đầu cả nước. • Phát triển khoa học – công nghệ, đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số. • Phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị hiện đại và các khu công nghiệp công nghệ cao. Phát triển mạnh kinh tế biển. • Nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, ứng dụng công nghệ cao. • Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng. Phát triển các hành lang kinh tế, các tuyến đường giao thông hiện đại, kết nối vùng TP Hồ Chí Minh với các địa phương trong và ngoài vùng. - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: + Hiện trạng: • Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vẫn giữ vai trò đáng kể trong cơ cấu kinh tế. Là vùng trọng điểm số một của cả nước về sản xuất lúa, khai thác và nuôi trồng thủy sản, có giá trị hàng hóa cao. • Công nghiệp chủ yếu là sản xuất, chế biến thực phẩm; cơ khí nông nghiệp; đang khai thác thế mạnh khoáng sản dầu, khí ở thềm lục địa. + Hướng phát triển: phát triển thành vùng kinh tế nông nghiệp bền vững năng động và hiệu quả cao. • Sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hiện đại gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm. • Chú trọng công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; công nghiệp phục vụ nông nghiệp. • Phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch sinh thái và du lịch biển. • Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển một số hành lang kinh tế, tăng cường hạ tầng kết nối với vùng TP Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; đường thủy nội địa, kết nối với đường biển.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam 2. Vùng kinh tế trọng điểm Giảm tải

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam

3. Vùng kinh tế ngành

a) *Vùng nông nghiệp(giảm tải)*

*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

III. Các vùng kinh tế ở Việt Nam

3. Vùng kinh tế ngành

b) *Vùng công nghiệp*

* Quá trình hình thành

- Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020, nước ta chia thành 6 vùng công nghiệp là:

+ Vùng 1: 9 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc (trừ Quảng Ninh).

+ Vùng 2: 15 tỉnh, thành phố Đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố) và Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh).

+ Vùng 3: 10 tỉnh, thành phố ven biển Trung Bộ (từ Quảng Bình đến Ninh Thuận).

+ Vùng 4: 4 tỉnh Tây Nguyên (trừ Lâm Đồng).

+ Vùng 5: 8 tỉnh, thành phố Đông Nam Bộ (6 tỉnh, thành phố) và Bình Thuận, Lâm Đồng.

+ Vùng 6: 13 tỉnh, thành phố Đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quy hoạch theo các vùng lãnh thổ (6 vùng kinh tế, gắn với các vùng kinh tế trọng điểm).

* Đặc điểm phát triển

- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:

+ Hiện trạng: Tập trung phát triển các ngành khai thác và chế biến khoáng sản; thủy điện; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất hóa chất; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất kim loại. Tại các tỉnh dọc tuyến hành lang Lào Cai – Hà Nội phát triển công nghiệp lắp ráp linh kiện, công nghiệp hỗ trợ theo hướng hợp tác và khai thác thị trường Trung Quốc.

+ Các trung tâm công nghiệp chính: tập trung ở khu vực Đông Bắc như Việt Trì, Thái Nguyên, Bắc Giang,...

- Vùng Đồng bằng sông Hồng:

+ Hiện trạng: Cơ cấu công nghiệp khá đa dạng, phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, sản xuất kim loại, sản xuất hóa chất, nhiệt điện, công nghiệp công nghệ cao. Phát triển có chọn lọc công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện cơ khí, ô tô, xe máy, linh kiện điện tử xung quanh TP Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh.

+ Các trung tâm công nghiệp lớn: Hà Nội, Hải Phòng và một số trung tâm công nghiệp khác.

- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:

+ Hiện trạng: Hoạt động công nghiệp chủ yếu ở khu vực ven biển với các ngành chế biến hải sản; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí đóng tàu và sửa chữa tàu biển; mới đây có công nghiệp lọc hóa dầu. Công nghiệp được phát triển gắn với sự phát triển của hệ thống cảng biển; trục hành lang Đông – Tây.

+ Trung tâm công nghiệp lớn nhất: Đà Nẵng.

- Vùng Tây Nguyên:

+ Hiện trạng: Cơ cấu công nghiệp theo ngành khá đơn giản. Chủ yếu là công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ; thủy điện; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản (bô-xít).

+ Trong vùng chưa có một trung tâm công nghiệp nào với quy mô đáng kể.

- Vùng Đông Nam Bộ:

+ Hiện trạng: Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí; dầu khí và các chế phẩm hóa dầu, hóa chất; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp phụ trợ; công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; sản xuất hàng tiêu dùng cho xuất khẩu.

+ Các trung tâm công nghiệp: TP Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn hàng đầu cả nước và

một số trung tâm khác như Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.
 - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long:
 + Hiện trạng: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, thủy hải sản xuất khẩu; cơ khí nông nghiệp; công nghiệp khí – điện – đạm. Các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, điển hình là công nghiệp dệt may,... cũng góp mặt trong cơ cấu công nghiệp của vùng.
 + Trung tâm công nghiệp lớn nhất: Cần Thơ, các trung tâm công nghiệp khác có quy mô nhỏ hơn và được phân bố trải đều.

2.4: Thực hành tìm hiểu và viết báo cáo về vùng kinh tế ở nước ta

a) Mục tiêu:

- Rèn luyện năng lực viết báo cáo địa lí kinh tế.
- Thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin về vùng kinh tế ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV thực hiện kĩ thuật làm việc nhóm.
- Bước 1: GV cho HS các nhóm tự chọn 1 trong 4 chủ đề để viết báo cáo.
 - Bước 2: HS làm việc cá nhân, thu thập thông tin, hoàn thành sản phẩm của mình. Sau đó về nhóm để cùng hoàn thiện sản phẩm của nhóm mình.
 - Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - Bước 4: GV tổng kết, đánh giá.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Nhóm: Lớp:.....

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm đạt được
Nội dung	Lựa chọn nội dung báo cáo phù hợp	1	
	Cấu trúc báo cáo rõ ràng, logic	2	
	Nội dung chính xác, đầy đủ	2	
	Có minh chứng, số liệu, địa danh	1	
Trình bày	Văn phong trong sáng, diễn đạt dễ hiểu	1,5	
	Dùng đúng thuật ngữ khoa học	1	
	Sáng tạo, độc đáo	1,5	

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu:

b) Tổ chức thực hiện:

- GV thực hiện phương pháp phát vấn.
- Bước 1: GV yêu cầu HS làm ra giấy, thống kê tên các vùng kinh tế của nước ta theo bảng gợi ý trong SGK.
 - Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.
 - Bước 3: Một số HS trình bày kết quả.
 - Bước 4: GV đánh giá và tổng kết.

C. Hướng dẫn về nhà

Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.